

Số: 1151/KL-STNMT

Sơn La, ngày 11 tháng 12 năm 2018

KẾT LUẬN

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, đất đai đối với Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng

Thực hiện Quyết định số 228/QĐ-STNMT ngày 26/10/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai, tài nguyên nước và khí tượng thủy văn đối với 04 đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Ngày 05/11/2018, Đoàn thanh tra đã tiến hành làm việc với Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng (*Trang trại chăn nuôi lợn Bình Nhưng*) và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan theo các nội dung của Quyết định thanh tra. Ngày 20/11/2018, Công ty đã có Báo cáo số 25/BC-BN về việc kết quả khắc phục tồn tại khuyết điểm theo biên bản thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 07/BC-ĐTTr ngày 24/11/2018 của Trưởng Đoàn Thanh tra, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường kết luận như sau:

Phần I

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng (*sau đây gọi tắt là Công ty*) có trụ sở chính tại số 40, tiểu khu 6, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Ông Nguyễn Văn Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật. Điện thoại: 02123.843.031 Di động: 0977.844.601.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5500354327, cấp lần đầu ngày 20/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/4/2013.

Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi lợn giống và lợn thịt chất lượng cao tại HTX Ân Sinh, xã Chiềng Sinh, thành phố Sơn La của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Hợp Lực được UBND tỉnh Sơn La chấp thuận dự án đầu tư tại Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 21/4/2005. Ngày 31/10/2012, Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng đã mua lại Quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và tài sản khác của trang trại chăn nuôi lợn (*tài sản thế chấp của Doanh nghiệp tư nhân xây dựng Hợp Lực*) từ Công ty TNHH MTV Ngân hàng Nông nghiệp và PTNN Việt Nam chi nhánh Sơn La tại Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 07/HĐMBTS.

Sau khi trúng đấu giá tài sản, Công ty ký Hợp đồng hợp tác chăn nuôi gia công heo giống hậu bị với Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt nam Chi nhánh số 3

tại Hà Nội, lần đầu tiên với thời hạn là 5 năm, những năm tiếp theo định kỳ 6 tháng/lần.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty đang thực hiện chăn nuôi lợn tại tổ 5, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Công suất hoạt động gồm 2 mô hình nuôi: nuôi lợn đẻ và lợn hậu bị:

- Mô hình nuôi lợn nái (*lợn đẻ*): có 300 con lợn nái, đẻ 2 lứa/năm, mỗi lứa trung bình từ 2.500 - 3.000 lợn con, lợn con nuôi tại trang trại từ 2.000 - 2.400 con/năm và xuất đi các trang trại khác từ 500 - 600 con (*trung bình 21 ngày xuất lợn con*).

- Mô hình nuôi lợn hậu bị (*lợn thịt*): nuôi 2 lứa/năm, thời gian nuôi từ 4 - 4,5 tháng, trung bình từ 700 con/lứa.

Phần II

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC MINH

1. Kết quả kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan

1.1. Lĩnh vực bảo vệ môi trường

Trang trại chăn nuôi lợn Bình Nhung, tổ 5 phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của tại Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 11/11/2016.

Công ty đã lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường Trang trại chăn nuôi lợn Bình Nhung. Ngày 20/01/2018, Công ty đã lập Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2017 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Lĩnh vực đất đai

Diện tích sử dụng đất của Công ty đã được UBND tỉnh Sơn La cho thuê tại Quyết định 531/QĐ-UBND ngày 20/03/2013. Diện tích cho thuê: 22.412,6 m². Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê đất đến ngày 29/6/2025. Hình thức thuê đất. Nộp tiền thuê đất hàng năm. Được UBND tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BI 788671.

Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất: Năm 2017 Công ty đã nộp tiền thuê đất theo quy định. Năm 2018 công ty chưa nộp tiền thuê đất với số tiền 22.187.900 đồng (*theo thông báo số 4866/TB-CCT ngày 25/9/2018 của Chi cục thuế Thành phố Sơn La*).

2. Kết quả kiểm tra thực địa

2.1. Việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường

Trang trại chăn nuôi lợn Bình Nhung bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 12 năm 2012. Tại thời điểm thanh tra trang trại đang hoạt động bình thường. Tổng số cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại trang trại là 8 người, đều được trang bị quần áo bảo hộ lao động, trước khi ra vào trang trại đều được phun khử trùng. Tổng số lợn hiện có là 1000 con (*bao gồm 300 con lợn nái, 700 con lợn thịt*).

Các hạng mục công trình đã xây dựng: Hệ thống chuồng trại với 07 dãy chuồng hậu bị, 01 dãy chuồng đẻ và chuồng bầu, 01 phòng tinh, 01 chuồng cách ly, 01 chuồng cai sữa. Các hạng mục công trình phụ trợ gồm văn phòng, nhà

khách, nhà ở công nhân, nhà bếp, kho chứa vôi và máy nổ, nhà sát trùng, kho, nhà ăn... Ngoài ra có 01 bể bioga thể tích 4.500 m^3 , 03 hồ sinh học xử lý nước thải (*chứa lót bạt chống thấm HDPE*), 01 ao nuôi cá, đất trồng cây bóng mát, cây ăn quả, trồng rau.

Nguyên, nhiên liệu sử dụng để chăn nuôi: Do Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam cung cấp bao gồm: Thức ăn khoảng 500 tấn/năm, thuốc nước khử trùng (200 kg/năm), thuốc kháng sinh (240 lít/năm), thuốc phòng viêm phổi (220 kg/năm), vacxin phòng bệnh (12.000 liều/năm).

Việc thu gom xử lý chất thải phát sinh trong quá trình chăn nuôi:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom chung vào các bao đựng, vận chuyển ra khu vực thu gom rác thải sinh hoạt tập trung của thành phố.

- Chất thải rắn chăn nuôi:

+ Phân thải lợn: Phân khô được thu gom tại chuồng lợn nái, phát sinh khoảng 400kg/ngày , toàn bộ phân khô được chuyển đến nhà chứa diện tích 15 m^2 , Phân lợn tươi phát sinh từ hệ thống dãy chuồng nuôi lợn hậu bị (*khoảng 700 con*) không được thu gom riêng, toàn bộ phân tươi và nước thải chăn nuôi theo hệ thống mương dẫn nước thải thu gom về 01 bể chứa thể tích 05 m^3 . Tại đây, nước thải sau khi lắng được chảy vào bể bioga để xử lý, phân tươi được xúc ra khỏi bể. Toàn bộ phân thải lợn được sử dụng để bón cây và cung cấp cho các hộ gia đình xung quanh để sử dụng.

+ Lợn chết: Công ty bàn giao cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam xử lý khi có phát sinh (*theo giấy xin phép hủy heo*).

+ Vỏ bao bì đựng thức ăn chăn nuôi: Phát sinh khoảng 1.875kg/năm , Công ty bàn giao cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam xử lý (*theo phiếu vận chuyển nội bộ*).

- Chất thải nguy hại: Bao gồm vỏ chai, lọ kháng sinh, kim tiêm (*phát sinh khoảng 10 kg/tháng*). Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng đựng riêng, lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bao quanh và nền đổ bê tông với diện tích khoảng 20 m^2 . Định kỳ 1 tháng/lần, Công ty bàn giao cho Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam vận chuyển mang đi xử lý (*theo hóa đơn kiểm thuốc và vỏ thuốc*).

- Nước thải sinh hoạt: Được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn qua rãnh thoát nước chảy vào hồ sinh học.

- Nước thải chăn nuôi: Phát sinh khoảng $14\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Được thu gom và xử lý bằng bể bioga thể tích 4.500 m^3 . Nước thải sau bioga chảy qua rãnh thoát nước xây bằng đá hộc và gạch block tới hồ sinh học (*03 hồ*) có thể tích 3.000 m^3 . Nước thải sau hồ sinh học được dẫn xả thải ra hồ chứa nước bẩn Cang bằng ống nhựa HDPE (*dài 300m*). Qua thanh tra cho thấy:

+ Bể Bioga hoạt động bình thường, có lên khí;

+ 03 hồ sinh học sau bể bioga chưa được nạo vét, cải tạo, chưa lót bạt chống thấm HDPE, giữa các hồ sinh học chưa lắp đặt hệ thống ống tự chảy để đảm bảo hiệu quả xử lý;

- + Phân thải lợn chưa được tách triệt khỏi hệ thống thu gom xử lý nước thải
- Biện pháp xử lý mùi hôi và khí thải phát sinh:
 - + Hệ thống chuồng trại được xây dựng kín, có hệ thống dàn làm mát, quạt hút mùi để đảm bảo thoát mùi và khí thải phát sinh; Trang trại có sử dụng chế phẩm vi sinh để phun khử trùng nhằm giảm thiểu tác động của mùi hôi và khí thải;
 - + Xung quanh chuồng trại có trồng cây xanh để giảm thiểu mùi và khí thải tác động tới môi trường xung quanh.

2.2. Việc khai thác, sử dụng nước

Theo báo cáo của Công ty, nhu cầu sử dụng nước của trang trại chăn nuôi lợn (*sinh hoạt cho cán bộ công nhân và hoạt động chăn nuôi của trang trại*) khoảng $17 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, được cung cấp từ 2 nguồn:

- Nước cấp do Công ty cổ phần cấp nước Sơn La cung cấp (*qua 01 đồng hồ*) khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
- Nước bơm từ giếng khoan của hộ gia đình ông Lò Văn Khang bản Cang, phường Chiềng Sinh (*cạnh Trang trại chăn nuôi lợn*) khoảng $14,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.
Tổng lượng nước thải chăn nuôi lợn phát sinh khoảng $14 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3. Việc quản lý, sử dụng đất

Tổng diện tích đất đang sử dụng là $22.412,6 \text{ m}^2$ theo Giấy CNQSD đất số seri BI 788671 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 20/03/2013. Toàn bộ diện tích đất được sử dụng để xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn và các công trình phụ trợ, đất trồng cây lâu năm, cây ăn quả và trồng rau.

Công ty đã quản lý, sử dụng đất đúng mục đích được cho thuê. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất không xảy ra tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai với các tổ chức, cá nhân khác.

3. Kết quả phân tích mẫu nước thải chăn nuôi

Ngày 05/11/2018, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La đã tiến hành lấy 02 mẫu nước thải chăn nuôi:

- 3.1. NTCNU009:** Điểm đầu vào hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của trang trại, phân tích 06 thông số. Trong đó 01/6 thông số (*pH*) nằm trong giới hạn cho phép, 05/6 thông số (*Tổng chất rắn lơ lửng, BOD₅ (20°C), COD, Tổng nitơ (tính theo N), Tổng coliform*) vượt giới hạn cho phép so với QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (*Cột B*). Kết quả:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 62- MT:2016/BTNMT Cột B	Số lần vượt Quy chuẩn
			NTCNU009		
1	pH	-	8,2	5,5 - 9	0
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	380	150	2,53
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	4.420	100	44,2
4	COD	mg/L	6.193	300	20,64
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	316,63	150	2,11
6	Tổng Coliform	MPN/100mL	840.000	5.000	168

Ghi chú: "-": Quy chuẩn không quy định.

3.2. NTCNU010: Điểm đầu ra hệ thống xử lý, điểm xả thải ra môi trường, phân tích 06 thông số. Trong đó 02/6 thông số (*pH*, *Tổng chất rắn lơ lửng*) nằm trong giới hạn cho phép, 04/6 thông số (*BOD₅* (20°C), *COD*, *Tổng nitơ* (tính theo *N*), *Tổng coliform*) vượt giới hạn cho phép so với QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B - C_{max}). Kết quả cụ thể:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 62- MT:2016/BTNMT Cột B - C _{max}	Số lần vượt Quy chuẩn
			NTCNU010		
1	pH	-	7,5	5,5 - 9	0
2	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	21	117	0
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	258	78	3,31
4	COD	mg/L	498,6	234	2,13
5	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	832,19	117	7,11
6	Tổng Coliform	MPN/100mL	175.000	5.000	35

Ghi chú: "-": Quy chuẩn không quy định.

4. Việc thực hiện Kết luận thanh tra, kiểm tra

Ngày 10/7/2017, Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường đã ban hành Kết luận số 490/KL-STNMT kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với cơ sở trang trại chăn nuôi lợn Bình Nhุง. Tại kết luận đã yêu cầu Cơ sở thực hiện các nội dung sau:

- Sửa chữa hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi đảm bảo phân lợn được tách triệt để khỏi nước thải, hệ thống thu gom toàn bộ nước thải vào bể bioga.

- Kiểm tra, khắc phục và đưa vào vận hành bể Bioga để đảm bảo hoạt động theo thiết kế.

- Tiến hành cải tạo, nạo vét lại 03 hồ sinh học, sau đó lót bạt chống thấm bằng tấm HDPE, đảm bảo không ngâm xuống đất. Thay thế toàn bộ ống dẫn nước thải từ bể bioga đến hồ sinh học và giữa các hồ sinh học. Các hồ sinh học cần bố trí các vách ngăn để tăng thời gian lưu trữ tại các hồ sinh học.

+ Có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải được ghi chép đầy đủ, lưu giữ tối thiểu 02 năm. Nhật ký vận hành bao gồm các nội dung: lưu lượng, thông số vận hành hệ thống xử lý nước thải, kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (*nếu có*), loại và lưu lượng hóa chất sử dụng, lượng bùn thải phát sinh. Bố trí tại điểm xả cuối cùng có thể tiến hành lấy mẫu, quan trắc theo đúng quy định.

+ Trong mọi trường hợp nếu nước thải không đảm bảo quy chuẩn môi trường (QCVN 62-MT:2016/BTNMT) không được phép xả thải ra môi trường.

- Bố trí khu vực lưu giữ, xử lý phân lợn hợp lý, có che đậy để giảm thiểu phát tán mùi. Khoanh vùng ranh giới rõ ràng khu vực chôn lấp xác lợn chết, có biển báo rõ ràng.

- Tiến hành định kỳ 06 tháng/lần báo cáo tình hình phát sinh quản lý chất thải nguy hại về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

- Tiến hành quan trắc, giám sát chất lượng môi trường tối thiểu 04 lần/năm theo đúng quy định tại Thông tư 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty đã thực hiện được 03/6 nội dung gồm:

- Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ phân khô phát sinh tại khu vực chuồng lợn nái để giảm thiểu phát tán mùi. Lợn chết phát sinh trong quá trình chăn nuôi không được chôn lấp tại cơ sở mà do Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam vận chuyển đêm đi xử lý.

- Hệ thống Bioga hoạt động bình thường, có lênh khí đảm bảo hoạt động.

- Công ty đã lập Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2017 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Ý kiến của Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhung

Ngày 20/11/2018, Công ty đã có Báo cáo số 25/BC-BN về việc kết quả khắc phục tồn tại khuyết điểm theo biên bản thanh tra. Trong đó Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn Thanh tra xem xét, chưa xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên nước để tạo điều kiện cho Công ty tiếp tục hoạt động và khắc phục các khuyết điểm, tồn tại theo đúng cam kết. Sau thời gian này nếu Công ty không khắc phục các tồn tại thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- Tiến hành cải tạo, nạo vét lại các hồ sinh học sau đó lót bạt chống thấm HDPE cho 03 hồ sinh học sau bể bioga. Trong quá trình cải tạo tiến hành lắp đặt hệ thống ống tự chảy giữa các hồ sinh học để đảm bảo hiệu quả xử lý. Tiến hành sửa chữa hệ thống ống dẫn nước thải sau hồ sinh học đảm bảo nước thải dẫn tới kênh thủy lợi bản Cang. Nước thải chăn nuôi sau quá trình xử lý đảm bảo quy chuẩn môi trường (QCVN 62-MT:2016/BTNMT) trước khi xả thải ra môi trường. Thời gian hoàn thành **trước ngày 28/02/2019**.

- Sau khi hoàn thành cải tạo hệ thống xử lý nước thải, Công ty sẽ lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc thực hiện quan trắc chất lượng môi trường: Công ty cam kết thực hiện đúng quy định theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt.

Phần III

KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Trang trại chăn nuôi lợn của Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhung đã cơ bản chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Cụ thể:

- *Lĩnh vực bảo vệ môi trường*: Đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết. Công ty đã lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và Báo cáo quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- *Lĩnh vực đất đai*: Đã được UBND tỉnh Quyết định cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích được thuê.

2. Tồn tại, khuyết điểm

- Lĩnh vực bảo vệ môi trường:

+ Công ty chưa thực hiện xong 03 nội dung trong đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt: Chưa cải tạo, nạo vét lại các hồ sinh học sau đó lót bạt chống thấm HDPE cho 03 hồ sinh học sau bể bioga; Chưa lắp đặt hệ thống ống tự chảy giữa các hồ sinh học để đảm bảo hiệu quả xử lý; Ông dẫn nước thải sau hồ sinh học chưa được dẫn tới kênh thủy lợi bản Cang (*hiện nay nước thải được dẫn xả thải ra hồ chứa nước bản Cang bằng ống nhựa HDPE*).

+ Công ty không có văn bản báo cáo cơ quan đã phê duyệt đề án bảo vệ môi trường về tiến độ thực hiện đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

+ Công ty xả nước thải chăn nuôi lợn vượt giới hạn cho phép so với QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi vào môi trường.

+ Công ty không thực hiện quan trắc chất lượng môi trường định kỳ theo quy định tại Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt (*06 tháng/lần*).

- *Lĩnh vực tài nguyên nước:* Công ty xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng nước thải khoảng $14\text{ m}^3/\text{ngày}.đêm$ không có Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

- *Lĩnh vực đất đai:* Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai năm 2018 (*chưa nộp tiền thuê đất với số tiền 22.187.900 đồng*).

Phần IV

BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Yêu cầu Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưỡng

- Thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung được nêu trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt. Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo số 25/BC-BN ngày 20/11/2018 của Công ty về việc kết quả khắc phục tồn tại khuyết điểm theo biên bản thanh tra.

- Tổ chức khắc phục dứt điểm những tồn tại, khuyết điểm được nêu tại Mục 2 phần III của Kết luận này, báo cáo kết quả thực hiện (*bằng văn bản và các tài liệu, thông tin chứng minh kèm theo*) về Sở Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 15/01/2018** để kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

2. Giao Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và KTTV hướng dẫn Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưỡng lập Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định. Báo cáo kết quả thực hiện với Giám đốc Sở (*qua Thanh tra Sở*) trước **ngày 20/12/2018.**

3. Giao Phòng Quản lý môi trường hướng dẫn Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưỡng khắc phục dứt điểm các khuyết điểm về lĩnh vực bảo vệ môi trường tại Mục 2 phần III của Kết luận. Báo cáo kết quả thực hiện với Giám đốc Sở (*qua Thanh tra Sở*) trước **ngày 20/12/2018.**

4. Giao Thanh tra Sở theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, đất đai đối với Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng. Yêu cầu Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện và báo cáo kết quả (*bằng văn bản và các tài liệu, thông tin chứng minh kèm theo*) về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp./. 

Nơi nhận: 

- UBND tỉnh Sơn La (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Giám đốc Sở;
- Cục thuế tỉnh Sơn La;
- UBND thành phố Sơn La;
- Phòng Quản lý môi trường;
- Phòng Đất đai và ĐĐBD;
- Phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và KTTV;
- Công ty cổ phần tư vấn và ĐTXD Bình Nhưng;
- Lưu: VT, Hsơ, Hưng.15b.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đắc Lực

SỞ TN&MT TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 357/QTMT

V/v: Báo cáo kết quả quan trắc, phân tích môi trường của trại chăn nuôi lợn Bình Nhưng thuộc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng

Son La, ngày 14 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La

Thực hiện Quyết định số 228/QĐ-STNMT ngày 26/10/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La về việc kiểm tra Trại chăn nuôi lợn Bình Nhưng thuộc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng.

Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường đã cử cán bộ tham gia quan trắc, phân tích, kết quả như sau:

- Mẫu nước thải chăn nuôi tại điểm đầu vào hệ thống xử lý (NTCNU009) tiến hành phân tích 6 thông số. Trong đó 01/06 thông số nằm trong giới hạn cho phép, 05/06 thông số (Chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng nito, tổng coliform) vượt giới hạn cho phép của QCVN62-MT:2016/BTNMT : Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải chăn nuôi. Cụ thể ở bảng phụ lục kèm theo.

- Mẫu nước thải chăn nuôi tại điểm xả thải ra môi trường (NTCNU010) tiến hành phân tích 6 thông số. Trong đó 02/06 thông số nằm trong giới hạn cho phép, 04/06 thông số (BOD₅, COD, tổng nito, tổng coliform) vượt giới hạn cho phép của QCVN62-MT:2016/BTNMT-Cột B-Cmax: Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải chăn nuôi. Cụ thể ở bảng phụ lục kèm theo.

Số lần vượt cụ thể như sau:

1. NTCNU009 : Nước thải chăn nuôi tại điểm đầu vào hệ thống xử lý.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích NTCNU009	Số lần vượt	QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột B
1	Chất rắn lơ lửng	mg/L	380	2,53	150
2	BOD ₅	mg/L	4.420	44,2	100
3	COD	mg/L	6.193	20,64	300
4	Tổng Nito (tính theo N)	mg/L	316,63	2,11	150
5	Tổng Coliform	MPN/100mL	840.000	168	5.000

2. NTCNU010 : Nước thải đầu ra hệ thống xử lý

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích NTCNU010	Số lần vượt	QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột B-Cmax
1	BOD ₅	mg/L	258	3,31	78
2	COD	mg/L	498,6	2,13	234
3	Tổng Nito (tính theo N)	mg/L	832,19	7,11	117
4	Tổng Coliform	MPN/100mL	175.000	35	5.000

Trên đây là kết quả quan trắc, phân tích môi trường của Trại chăn nuôi lợn Bình Nhưng thuộc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng.

Noi nhận:

- Sở TNMT (báo cáo);
- BGĐ Trung tâm;
- Trưởng đoàn kiểm tra theo QĐ 228/QĐ-STNMT;
- Lưu: VT, 06b.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Hùng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ cơ quan: Số 46, đường Thanh Niên, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La; ĐT: 0212.3756.656; Fax: 0212.3753.739
Địa chỉ PTN: Tầng 4, Sở Tài nguyên và Môi trường, Khu liên cơ quan, đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Lè
TP. Sơn La, tỉnh Sơn La; ĐT: 0212.3789.626



VILAS 773 VIMCERTS 092

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 2033

Tên khách hàng: Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 228/QĐ-STNMT ngày 26/10/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ : Sở Tài nguyên và Môi trường, khu liên cơ quan, đường Lò Văn Giá, TP. Sơn La, tỉnh

Loại mẫu gửi : Nước thải chăn nuôi

Mã số mẫu : NTCNU009

Ngày nhận mẫu : 05/11/2018

Ngày phân tích : 05/11/2018 - 11/11/2018



TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột B	VILAS 773
1	pH	-	8,2	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	380	150	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	4.420	100	SMEWW 5210D:2012
4	COD	mg/L	6.193	300	SMEWW 5220C:2012
5	Tổng Nito (tính theo N) ^(*)	mg/L	316,63	150	TCVN 6638:2000
6	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	840.000	5.000	QTNB-QTPT-05 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- NTCNU009: Điểm đầu vào hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi của trang trại - Trại chăn nuôi lợn Bình Nhưng, thuộc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng.

- Kết quả in đậm vượt GHCP của Quy chuẩn.

- (*): Chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS.

- (1): Quy trình thử nghiệm do Phòng thí nghiệm xây dựng.

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Sơn La, ngày 12 tháng 11 năm 2018

GIÁM ĐỐC

PHỤ TRÁCH
P.QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH MT

Phạm Hải Nam



Nguyễn Văn Hùng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ cơ quan: Số 46, đường Thanh Niên, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La; ĐT: 0212.3756.656; Fax: 0212.3753.739
Địa chỉ PTN: Tầng 4, Sở Tài nguyên và Môi trường, Khu liên cơ quan, đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Lè
TP. Sơn La, tỉnh Sơn La; ĐT: 0212.3789.626



VILAS 773 VIMCERTS 092

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 2034

Tên khách hàng: Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 228/QĐ-STNMT ngày 26/10/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Địa chỉ : Sở Tài nguyên và Môi trường, khu liên cơ quan, đường Lò Văn Giá, TP. Sơn La, tỉnh

Loại mẫu gửi : Nước thải chăn nuôi

Mã số mẫu : NTCNU010

Ngày nhận mẫu : 05/11/2018

Ngày phân tích : 05/11/2018 - 11/11/2018



VILAS 773

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích	QCVN 62-MT:2016/BTNMT Cột B - Cmax	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,5	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	21	117	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	258	78	SMEWW 5210D:2012
4	COD	mg/L	498,6	234	SMEWW 5220C:2012
5	Tổng Nito (tính theo N) ^(*)	mg/L	832,19	117	TCVN 6638:2000
6	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100mL	175.000	5.000	QTNB-QTPT-05 ⁽¹⁾

Ghi chú :

- NTCNU010: Điểm đầu ra hệ thống xử lý, điểm xả thải ra môi trường - Trại chăn nuôi lợn Bình Nhưng, thuộc Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưng.

- Kết quả in đậm vượt GHCP của Quy chuẩn.

- (*): Chỉ tiêu chưa được công nhận VILAS.

- (1): Quy trình thử nghiệm do Phòng thí nghiệm xây dựng.

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Giá trị tối đa (Cmax) cho phép được tính theo công thức $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ với:

C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Giá trị C được áp dụng tại cột B để làm cơ sở tính toán. $K_q = 0,6$ (Không có số liệu về dung tích nguồn tiếp nhận nước thải). $K_f = 1,3$ (lưu lượng nguồn thải $5 \leq F \leq 50 m^3/ngày$). Đối với thông số pH, Coliform $C_{max} = C$.

Sơn La, ngày 12 tháng 11 năm 2018 /h

GIÁM ĐỐC

PHỤ TRÁCH
P.QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH MT

Phạm Hải Nam



Nguyễn Văn Hùng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ISO/IEC 17025:2005
(Số: 298.../BBLM)

Sơn La, Ngày 5 tháng 11 năm 2018

BIÊN BẢN QUAN TRẮC, LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC

1. Thực hiện theo: Quyết định số 228/QĐ-STTMT ngày 26/10/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Thành lập việc chấp hành về BVTM, xác minh, tái lập, tự nguyện nêu, lời tường, thuỷ văn tài với QG đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.
2. Tên cơ sở được quan trắc: Trang trại chăn nuôi lợn Bình Nhưỡng - Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Bình Nhưỡng.
3. Đại diện cơ sở được quan trắc (Họ tên, chức danh, đơn vị): Bà Nguyễn Thị Nhung - Đại diện trang trại.
4. Cán bộ quan trắc (Họ tên, chức danh, đơn vị): Ông Trần Văn Quân - Cán bộ Nung tóm Quan trắc tài nguyên và môi trường Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Phó Ghi chép Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường.
5. Loại thiết bị lấy mẫu: Thiết bị lấy mẫu chiềng ngang; Thiết bị lấy mẫu chiềng đứng; Gầu, xô, phễu; Sử dụng trực tiếp chai lấy mẫu.
6. Thiết bị đo tại hiện trường: Máy đo nước đa chỉ tiêu Sension 156; máy đo nước đa chỉ tiêu YSI 556; Máy đo pH - HANA.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 ISO/IEC 17025:2005
 (Số: 298.../BBLM)

TT	Dạng mẫu/ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Đặc điểm nơi quan trắc	Điều kiện thời tiết	Tọa độ vị trí lấy mẫu	Giờ lấy mẫu	Lượng mẫu/Hóa chất Bảo quản (lít)	Phương pháp lấy mẫu
1	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng mẫu <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nước mặt <input type="checkbox"/> Nước dưới đất; <input type="checkbox"/> Nước thải sinh hoạt; <input type="checkbox"/> Nước sinh hoạt <input type="checkbox"/> Nước thải y tế; <input type="checkbox"/> Nước thải công nghiệp. <input type="checkbox"/> Nước thải xăng dầu. <input checked="" type="checkbox"/> Nước thải chăn nuôi <input type="checkbox"/> Nước thải chế biến tinh bột sắn - Ký hiệu ..N.T.C.N.U.009 	<p>Điểm câu vac mệ thống xu'</p> <p>lý nước/ thổi chùn nuô cua trang trai</p>	<p>Màu nước: Đen đậm</p> <p>Dòng chảy: Chậm</p> <p>Mùi: Hôi thối</p> <p>Khác:</p>	<p><input checked="" type="checkbox"/> Trời nắng; <input type="checkbox"/> Trời mưa; <input type="checkbox"/> Trời râm mát; <input checked="" type="checkbox"/> Có gió nhẹ; <input type="checkbox"/> Có gió lớn; <input type="checkbox"/> Không có gió.</p>	X:...../.....	Từ 09 h 00, đến 09 h 40,	<p><input checked="" type="checkbox"/> K⁰Bq h/c:...3,0...</p> <p><input checked="" type="checkbox"/> H₂SO₄:...0,5....</p> <p><input type="checkbox"/> HNO₃:.....</p> <p><input type="checkbox"/> NaOH:.....</p> <p><input type="checkbox"/> K₂Cr₂O₇:.....</p> <p><input type="checkbox"/> Khác:</p> <p>3,5 lít mẫu đựng trong chai nhựa polietilen.lít mẫu đựng trong chai thủy tinh.</p>	<p><input type="checkbox"/> Nước mặt sông suối: TCVN6663-6:2008;</p> <p><input type="checkbox"/> Nước mặt ao hồ: TCVN 5994:1995;</p> <p><input checked="" type="checkbox"/> Nước thải: TCVN 5999:1995;</p> <p><input type="checkbox"/> Nước dưới đất TCVN6663-11:2011;</p> <p><input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu PT vi sinh: TCVN 8880:2011.</p>

KẾT QUA ĐO TẠI HIỆN TRƯỜNG

Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Ghi chú
Nhiệt độ	(°C)	SMEWW 2550 B:2012	24,2	
pH		TCVN 6492:2011	8,2	
Oxy hòa tan (DO)	(mg/L)	TCVN 7325:2004		
Độ dẫn điện (EC)	(μS/cm)	SMEWW 2510 B:2012		
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	(mg/L)	SMEWW 2540 C:2012		
Hàm lượng muối (ORP)	(mV)	SMEWW 2580 B:2012		
Độ đục	(NTU)	TCVN 6184:2008		

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 ISO/IEC 17025:2005
 (Số: 298./BBLM)

TT	Dạng mẫu/ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Đặc điểm nơi quan trắc	Điều kiện thời tiết	Tọa độ vị trí lấy mẫu	Giờ lấy mẫu	Lượng mẫu/Hóa chất Bảo quản (lít)	Phương pháp lấy mẫu
2	<p>- Dạng mẫu</p> <input type="checkbox"/> Nước mặt <input type="checkbox"/> Nước dưới đất; <input type="checkbox"/> Nước thải sinh hoạt; <input type="checkbox"/> Nước sinh hoạt <input type="checkbox"/> Nước thải y tế; <input type="checkbox"/> Nước thải công nghiệp. <input type="checkbox"/> Nước thải xăng dầu. <input checked="" type="checkbox"/> Nước thải chăn nuôi <input type="checkbox"/> Nước thải chế biến tinh bột sắn <p>- Ký hiệu</p> <p>NTCN.U010</p>	<p>Điểm đầu và hệ thống xử lý - Điểm xả thải và mõi truồng</p>	<p>Màu nước: V�n xanh Dòng chảy: Chậm Mùi: Hôi thối Khác:</p> <p>Kq: 0,6 Kf: 1,3 Theo CTE an 15 25 m³/ngày</p>	<p>Màu nước: V�n xanh Dòng chảy: Chậm Mùi: Hôi thối Khác:</p> <p>X: / Y: /</p>		<p>Từ 10 h.00 đến 10 h.20</p>	<p><input checked="" type="checkbox"/> K⁰Bq h/c: 3,0 <input checked="" type="checkbox"/> H₂SO₄: 0,5 <input type="checkbox"/> HNO₃: <input type="checkbox"/> NaOH: <input type="checkbox"/> K₂Cr₂O₇: <input type="checkbox"/> Lanh: 3,5 lít mẫu đựng trong chai nhựa polietylen.lít mẫu đựng trong chai thủy tinh.</p>	<input type="checkbox"/> Nước mặt sông suối: TCVN6663-6:2008; <input type="checkbox"/> Nước mặt ao hồ: TCVN 5994:1995; <input checked="" type="checkbox"/> Nước thải: TCVN 5999:1995; <input type="checkbox"/> Nước dưới đất TCVN6663-11:2011; <input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu PT vi sinh: TCVN 8880:2011.

KẾT QUẢ ĐO TẠI HIỆN TRƯỜNG

Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Ghi chú
Nhiệt độ	(°C)	SMEWW 2550 B:2012	24,9	
pH		TCVN 6492:2011	7,5	
Oxy hòa tan (DO)	(mg/L)	TCVN 7325:2004		
Độ dẫn điện (EC)	(μS/cm)	SMEWW 2510 B:2012		
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	(mg/L)	SMEWW 2540 C:2012		
Hàm lượng muối (ORP)	(mV)	SMEWW 2580 B:2012		
Độ đục	(NTU)	TCVN 6184:2008		

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 ISO/IEC 17025:2005
 (Số: 298./BBLM)

TT	Dạng mẫu/ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Đặc điểm nơi quan trắc	Điều kiện thời tiết	Tọa độ vị trí lấy mẫu	Giờ lấy mẫu	Lượng mẫu/Hóa chất Bảo quản (lít)	Phương pháp lấy mẫu
3	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng mẫu <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nước mặt <input type="checkbox"/> Nước dưới đất; <input type="checkbox"/> Nước thải sinh hoạt; <input type="checkbox"/> Nước sinh hoạt <input type="checkbox"/> Nước thải y tế; <input type="checkbox"/> Nước thải công nghiệp. <input type="checkbox"/> Nước thải xăng dầu. <input type="checkbox"/> Nước thải chăn nuôi <input type="checkbox"/> Nước thải chế biến tinh bột sắn - Ký hiệu / 	/	Màu nước: / Dòng chảy: / Mùi: / Khác: / Kq: / Kf:	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Trời nắng; <input type="checkbox"/> Trời mưa; <input type="checkbox"/> Trời râm mát; <input type="checkbox"/> Có gió nhẹ; <input type="checkbox"/> Có gió lớn; <input type="checkbox"/> Không có gió. 	X:..... /	Từ..... h..... , Y:..... /, đến..... h..... ,	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> K⁰Bq h/c:..... <input type="checkbox"/> H₂SO₄:..... <input type="checkbox"/> HNO₃:..... <input type="checkbox"/> NaOH:..... <input type="checkbox"/> K₂Cr₂O₇:..... <input type="checkbox"/> Khác:lít mẫu đựng trong chai nhựa polietylen.lít mẫu đựng trong chai thủy tinh. 	<ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nước mặt sông suối: TCVN6663-6:2008; <input type="checkbox"/> Nước mặt ao hồ: TCVN 5994:1995; <input type="checkbox"/> Nước thải: TCVN 5999:1995; <input type="checkbox"/> Nước dưới đất TCVN6663-11:2011; <input type="checkbox"/> Lấy mẫu PT vi sinh: TCVN 8880:2011.

KẾT QUA ĐO TẠI HIỆN TRƯỜNG

Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Ghi chú
Nhiệt độ	(°C)	SMEWW 2550 B:2012		
pH		TCVN 6492:2011		
Oxy hòa tan (DO)	(mg/L)	TCVN 7325:2004		
Độ dẫn điện (EC)	(μS/cm)	SMEWW 2510 B:2012		
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	(mg/L)	SMEWW 2540 C:2012		
Hàm lượng muối (ORP)	(mV)	SMEWW 2580 B:2012		
Độ đục	(NTU)	TCVN 6184:2008		

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ISO/IEC 17025:2005
(Số: 298.../BBLM)

KẾT QUẢ ĐO TẠI HIỆN TRƯỜNG

Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Ghi chú
Nhiệt độ	(°C)	SMEWW 2550 B:2012	/	
pH		TCVN 6492:2011	/	
Oxy hòa tan (DO)	(mg/L)	TCVN 7325:2004	/	
Độ dẫn điện (EC)	(μS/cm)	SMEWW 2510 B:2012	/	
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	(mg/L)	SMEWW 2540 C:2012	/	
Hàm lượng muối (ORP)	(mV)	SMEWW 2580 B:2012	/	
Độ đục	(NTU)	TCVN 6184:2008	/	

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 ISO/IEC 17025:2005
 (Số: 298.../BBLM)

TT	Dạng mẫu/ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Đặc điểm nơi quan trắc	Điều kiện thời tiết	Tọa độ vị trí lấy mẫu	Giờ lấy mẫu	Lượng mẫu/Hóa chất Bảo quản (lít)	Phương pháp lấy mẫu
5	<ul style="list-style-type: none"> - Dạng mẫu <ul style="list-style-type: none"> <input type="checkbox"/> Nước mặt <input type="checkbox"/> Nước dưới đất; <input type="checkbox"/> Nước thải sinh hoạt; <input type="checkbox"/> Nước sinh hoạt <input type="checkbox"/> Nước thải y tế; <input type="checkbox"/> Nước thải công nghiệp. <input type="checkbox"/> Nước thải xăng dầu. <input type="checkbox"/> Nước thải chăn nuôi <input type="checkbox"/> Nước thải chế biến tinh bột sắn - Ký hiệu 	/	Màu nước: Dòng chảy: Mùi: Khác: Kq: Kf:	<input type="checkbox"/> Trời nắng; <input type="checkbox"/> Trời mưa; <input type="checkbox"/> Trời râm mát; <input type="checkbox"/> Có gió nhẹ; <input type="checkbox"/> Có gió lớn; <input type="checkbox"/> Không có gió.	X:.....	Từ..... h...., Y:..... đến..... h....,	<input type="checkbox"/> K ⁰ Bq h/c:...../ <input type="checkbox"/> H ₂ SO ₄ :...../ <input type="checkbox"/> HNO ₃ :...../ <input type="checkbox"/> NaOH:...../ <input type="checkbox"/> K ₂ Cr ₂ O ₇ :...../ <input type="checkbox"/> Khác:lít mẫu đựng trong chai nhựa polietilen. <input type="checkbox"/>lít mẫu đựng trong chai thủy tinh.	<input type="checkbox"/> Nước mặt sông suối: TCVN6663-6:2008; <input type="checkbox"/> Nước mặt ao hồ: TCVN 5994:1995; <input type="checkbox"/> Nước thải: TCVN 5999:1995; <input type="checkbox"/> Nước dưới đất TCVN6663-11:2011; <input type="checkbox"/> Lấy mẫu PT vi sinh: TCVN 8880:2011.

KẾT QUẢ ĐO TẠI HIỆN TRƯỜNG

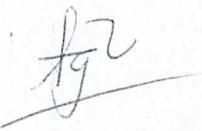
Thông số	Đơn vị	Phương pháp đo	Kết quả	Ghi chú
Nhiệt độ	(°C)	SMEWW 2550 B:2012		
pH		TCVN 6492:2011		
Oxy hòa tan (DO)	(mg/L)	TCVN 7325:2004		
Độ dẫn điện (EC)	(μS/cm)	SMEWW 2510 B:2012		
Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	(mg/L)	SMEWW 2540 C:2012		
Hàm lượng muối (ORP)	(mV)	SMEWW 2580 B:2012		
Độ đục	(NTU)	TCVN 6184:2008		

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ISO/IEC 17025:2005
(Số: 298/BBLM)

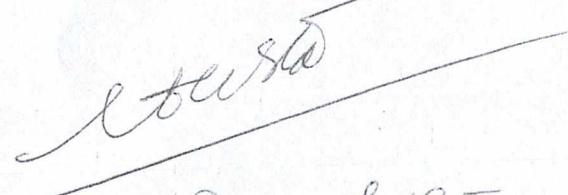
Ghi chú: Tích vào ô có nội dung thực hiện;

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua: Đoàn (nhóm) quan trắc giữ một bản, cơ sở được quan trắc giữ một bản.

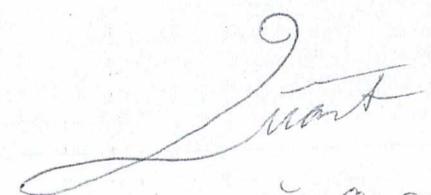
Đại diện cơ sở được quan trắc
(Kí, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Chí Khung

Trưởng đoàn (nhóm) quan trắc
(Kí, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Nhã Hoc

Cán bộ quan trắc
(Kí, ghi rõ họ tên)


Trần Văn Quân

